

Bản án số: 04/2021/KDTM-PT

Ngày 29 – 12 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng
thi công, công trình xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Hoàng

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2021/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công, công trình xây dựng”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C; Cư trú tại: Tầng 5 Tòa nhà Cavi Building, 51D Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Ph – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Như H, sinh năm: 1992; Cư trú tại: Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Có mặt); Bà Trần Thị Phi Y, sinh năm: 1995; Cư trú tại: Số 167 Hùng Vương, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phùng Thanh Sơn thuộc Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Thế giới luật pháp; Cư trú tại: Tầng 4, Tòa nhà Mbuilding, số 9, đường số 8, Khu Đô Thị Mới Nam Thành Phố, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X; cư trú: Tổ 4, phường P, thành phố S, tỉnh T ..

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Tiến L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, giám đốc Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hà Văn Q, chức vụ: Phó phòng tài chính kế toán, Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X; Địa chỉ: Tổ 4, phường Phố Cò, Thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C là nguyên đơn vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Nguyễn Như H, bà Trần Thị Phi Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/4/2018 Công ty TNHH đầu tư và xây dựng C (gọi tắt là Công ty C) và Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X (Gọi tắt là Công ty X) ký hợp đồng kinh tế số 01.CP1805/HĐTP về việc thi công phần khung kết cấu chính trụ sở UBND tỉnh Cà Mau tại Phường 5, thành phố Cà Mau. Quá trình thi công Công ty X và Công ty C có lập các biên bản xác nhận khối lượng cụ thể: Biên bản xác nhận khối lượng đợt 1 ngày 04/8/2018, tính theo đơn giá khối lượng xác nhận có giá trị 806.382.970đ; Biên bản xác nhận khối lượng đợt 2 ngày 24/11/2018 với giá trị 551.714.505đ. Như vậy, giá trị khối lượng mà Công ty X phải trả cho Công ty C là 1.412.097.475đ. Tuy nhiên, Công ty X đã tạm ứng trước cho Công ty C 10% tổng giá trị hợp đồng, với số tiền là 807.840.000đ, số tiền này sẽ được khấu trừ vào giá trị khối lượng mà Công ty X chưa thanh toán. Do đó, giá trị khối lượng mà Công ty X phải thanh toán tiếp cho Công ty C là 604.257.475đ và khoản lãi do Công ty X chậm thanh toán từ ngày 14/12/2018 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm là 150.584.274đ.

Đồng thời, quá trình chấp dứt thực hiện hợp đồng được thể hiện tại cuộc họp ngày 06/9/2018 Công ty C sẽ làm thủ tục đem các máy móc, thiết bị của mình ra khỏi công trình, nhưng đến nay Công ty X không giải quyết cho Công ty C lấy máy móc, thiết bị trên nên đã gây ra thiệt hại nặng về kinh tế, bởi các thiết bị đưa vào công trình, Công ty C thuê từ Công ty TNHH Thịnh Ân. Ngoài ra Công ty C yêu cầu Công ty X bàn giao toàn bộ thiết bị khung kết cấu của Công ty C đã nhập vào công trình.

Do đó Công ty C yêu cầu Công ty X, bồi thường tiền thuê thiết bị từ ngày 21/9/2018 đến ngày 31/12/2020 và khung kết cấu của công ty C nhập vào Công trình là 4.679.928.722đ.

Tại đơn phản tố và tại phiên tòa ông Hà Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Thừa nhận đôi bên có ký hợp đồng số 01.CP1805/HĐTP ngày 20/4/2018 như phía nguyên đơn trình bày. Theo hợp đồng ký kết giữa hai bên, Công ty X chuyển tạm ứng 10% giá trị hợp đồng cho Công ty C, với số tiền 807.840.000đ để tập kết vật tư, máy móc thiết bị, nhân lực phục vụ thi công tại công trình. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty C đã không tập kết được cọc pha, giàn giáo, máy móc, thiết bị, nhân lực tại Công trình như đã cam kết. Để không ảnh hưởng đến tiến độ thi công, Công ty X đã thỏa thuận và chủ động nhận cọc pha, giàn giáo, cũng như cho Công ty C thuê máy móc thiết bị để phục vụ công trình, có biên bản giao nhận. Trong các biên bản giao nhận có ghi rõ số tiền vật tư, máy móc thiết bị trên sẽ tính theo giá thực tế bên Công ty X nhập và trừ vào khối lượng thực hiện giữa hai bên. Tổng số tiền vật tư, máy móc thiết bị Công ty X giao cho Công ty C là 2.542.365.859đ.

Đồng thời quá trình triển khai thi công, công trình Công ty C đã không thanh toán tiền nhân công cho các tổ thợ và người lao động, dẫn đến người lao động nhiều lần tới Ban chỉ huy Công trình của Công ty X đập phá, gây rối làm mất an ninh trật tự tại Trụ sở UBND tỉnh Cà Mau. Công ty X phải mời chủ đầu tư, sở LĐTBXH, Công an phường 5, thành phố Cà Mau can thiệp nhưng không giải quyết được. Sau nhiều lần Công ty X, mời và yêu cầu Công ty C có mặt tại Công trình để giải quyết cho người lao động, mặc dù Công ty C có hứa trong biên bản làm việc sẽ thanh toán, nhưng vẫn không trả tiền nhân công cho người lao động. Để không xảy ra tình trạng mất an ninh trật tự, uy tín cũng như tiến độ của Công trình và phía người lao động có đơn xin cứu xét, nên Công ty X đã đứng ra trả tiền lương cho người lao động thay cho Công ty C, việc chi trả lương, thực hiện tại trụ sở Công an phường 5, thành phố Cà Mau, có sự chứng kiến của Đại diện Sở LĐTBXH và Công an phường 5. Tổng số tiền Công ty X đã trả thay cho Công ty C là 893.986.000đ.

Về khối lượng thực tế Công ty C thực hiện tại công trình: Hồ sơ đợt 1 đã được nghiệm thu và ký xác nhận: 860.382.970; Đợt 2 chưa có hồ sơ nghiệm thu thanh toán giữa hai bên. Sau nhiều lần Công ty X gửi Mail đến Công ty C yêu cầu cử đại diện tới Văn phòng Ban chỉ huy Công trình để chốt khối lượng quyết toán, nhưng không nhận được phản hồi, do đó bảng khối lượng đợt 2 chưa được hai bên ký xác nhận.

Về phần vật tư, máy móc thiết bị của Công ty C đưa vào công trình để thi công, Công ty X không có trách nhiệm trông giữ, bảo quản và cũng không có thuê, mượn lại của Công ty C, cũng không xác định những máy móc thiết bị gì, nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Nay Công ty X yêu cầu Công ty C phải hoàn trả cho Công ty X tổng số tiền là 4.150.805.571đ. gồm tiền trả tiền lương, tiền nhận máy móc, và tiền lãi (893.986.000đ.+2.542.365.859đ+ 742.061.589đ).

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM -ST ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X thanh toán cho công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C số tiền khối lượng thi công đã hoàn thành là 604.257.475đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C về việc yêu cầu Công ty cổ phần sản xuất Công nghiệp X thanh toán khoản tiền lãi là 150.584.274đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C về việc yêu cầu Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X thanh toán khoản tiền bồi thường tiền thuê thiết bị là 4.679.928.722đ

4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C về việc yêu cầu công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X hoàn trả toàn bộ thiết bị của công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C dùng để thi công phần khung kết cấu chính của trụ sở UBND tỉnh Cà Mau tại Phường 5, thành phố Cà Mau.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C hoàn trả số tiền 893.986.000đ cho Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X mà công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X đã ứng trả lương cho công nhân thay cho công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C thanh toán giá trị vật tư, máy móc thiết bị cho công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X với số tiền là 2.542.365.859đ.

6. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C thanh toán khoản tiền lãi là 742.061.589đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/01/2021 Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo.

Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X yêu cầu giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại Sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư của phía nguyên đơn cho là giá trị công trình thi công thấp nhưng tiền vật tư, máy móc thiết bị lại nhiều hơn là không có chứng cứ, Công ty X có gửi giữ tài sản tại công ty Tuấn Khoa, việc không lấy được máy móc thiết bị ra là do Bảo vệ Sơn Tây không cho lấy vì vậy ảnh hưởng thiệt hại của công ty C.

phát biểu:

Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C, giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/KDTM-ST ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C. Qua xem xét các chứng cứ Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn :

[1] Cấp sơ thẩm không đưa Công ty bảo vệ Đông Á và Công ty Tuấn Khoa vào tham gia tố tụng. Xét thấy Công ty bảo vệ Đông Á ký hợp đồng với Công ty X, mục đích là bảo vệ công trình, Công ty Tuấn Khoa không phát sinh quyền, nghĩa vụ trong vụ án, không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nên cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[2] Về khối lượng đã thi công hoàn thành với tổng số tiền là 1.412.097.475đ. Vấn đề này hai bên có bàn bạc sau khi công trình đã hoàn thành và thống nhất, phía bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn, khối lượng đã hoàn thành đợt 1, 2 như phía nguyên đơn đặt ra và các bên đồng ý đối trừ khoản tiền Công ty C tạm ứng 807.840.000đ. Xét thấy việc các bên thống nhất về khối lượng hoàn thành sau khi đối trừ Công ty X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C là: $1.412.097.475 - 807.840.000 = 604.257.475đ$.

[3] Về khoản tiền lãi chậm thanh toán số tiền là 150.584.274đ, tại hợp đồng các bên không thỏa thuận phần lãi suất. Xét đây là hợp đồng thi công, công trình xây dựng cho nên được áp dụng Luật xây dựng nhưng phải căn cứ vào hợp đồng ký

kết cụ thể, thời hạn thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Do trong hợp đồng không có thỏa thuận nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Luật sư phía nguyên đơn cho đây là thông lệ trong Luật xây dựng. Xét thấy Luật xây dựng quy định phần chung, còn việc chi tiết cụ thể về phương thức thanh toán là do các bên ký kết trong hợp đồng khi có tranh chấp thì phải căn cứ vào hợp đồng ký kết.

[4] Về khoản yêu cầu bồi thường tiền thuê thiết bị và giữ thiết bị máy móc số tiền 4.679.928.722đ và yêu cầu trả thiết bị cho Công ty C xét thấy:

Quá trình thi công xây dựng trụ sở UBND tỉnh Cà Mau, Công ty C bị đơn phương chấm dứt hợp đồng, thời điểm chấm dứt hợp đồng Công trình thi công đang bị dở dang, hai bên chưa thực hiện thanh quyết toán. Xét lỗi chính là do Công ty C không đủ năng lực, chậm tiến độ thi công, không đủ trang thiết bị, máy móc thi công. Tại biên bản họp ngày 6/9/2018 hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng. Mọi thủ tục giải quyết do kế toán và kỹ thuật hai bên sẽ tự quyết toán % tỉ lệ, Tại điều 3. 6 Hợp đồng số 01.CP 1805/HĐKT đôi bên ký kết quy định” Chi phí vật tư...nhân công, thiết bị máy móc thi công ... phía Công ty C tự xuất ra để xây dựng v...v. Tự quản lý, giữ gìn tài sản “Tại biên bản ngày 6/9/2018 thể hiện Công ty C tự rút các thiết bị máy móc trong ngày 6/9/2018, số thiết bị máy móc khác sẽ đưa ra từ từ. Như vậy số thiết bị máy móc khác là thiết bị gì, không nêu rõ cụ thể, cũng không tính được giá trị sử dụng còn lại bằng tiền là bao nhiêu, ai có trách nhiệm quản lý, Công ty C đã rút các thiết bị ra hết chưa. Trong khi đó Công ty X hoàn toàn không thừa nhận giữ bất cứ tài sản nào của Công ty C. Tại hợp đồng cũng quy định cụ thể tài sản của bên nào thì bên đó tự quản lý, giữ gìn. Theo lời trình bày của Công ty X trong thời điểm thi công trụ sở UBND tỉnh Cà Mau, có nhiều đơn vị cùng thi công, nhiều hạng mục khác nhau. Thời điểm tháng 10/2018 hàng rào Công trình đã bị tháo dỡ và không còn bảo vệ, nên các đơn vị thi công tự quản lý tài sản thiết bị của chính mình. Như vậy tài sản máy móc của đơn vị thi công nào thì đơn vị đó phải tự quản lý, giữ gìn, di dời, nếu không di dời cũng có thể làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình. Suốt quá trình này đại diện Công ty C không có mặt tại công trình nên không có căn cứ chứng minh Công ty X giữ các thiết bị của Công ty C.

Đơn kháng cáo của Công ty C cho là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do Công ty X có hành vi ngăn cản, không cho nhận lại máy móc vật tư làm Công ty C phải trả tiền thuê cho Công ty TNHH Thịnh Ân suốt thời gian bị Công ty X chiếm giữ thiết bị việc này hoàn toàn không có chứng cứ gì thể hiện.

Tại Hợp đồng kinh tế số 01.CP1805/HĐTP không có điều khoản nào quy định việc cho thuê thiết bị, vật tư để thi công, công trình, Hợp đồng thuê thiết bị giữa Công ty C và Công ty Thịnh Ân ký kết vào ngày 20/3/2018 không thể hiện việc Công ty C thuê thiết bị sử dụng vào việc thi công, công trình tại trụ sở của UBND tỉnh Cà Mau. Trong khi đó Hợp đồng kinh tế số 01.CP1805/HĐTP giữa Công ty C và Công ty X ký kết vào ngày 20/4/2018, hợp đồng cũng thể hiện máy móc vật tư thiết bị do Công ty C cung cấp trọn gói, nhưng khi thi công, Công ty C

lại không có đủ thiết bị, máy móc, năng lực đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công từ giai đoạn đầu. Như vậy, với chứng cứ này cho thấy phía Công ty C và Công ty Thịnh Ân ký kết hợp đồng thuê thiết bị trước khi Công ty C ký hợp đồng kinh tế với Công ty X. Đồng thời căn cứ Điều 6 của Hợp đồng số 01.CP1805/HĐTP quy định “ *...bên B tự bảo quản vật tư thiết bị của mình...* ”. Ngoài ra Công ty C cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh cho việc Công ty X gây thiệt hại cho mình trong việc thuê và giữ thiết bị, tại biên bản ngày 06/9/2018 hai bên ký thống nhất chấm dứt hợp đồng, Công ty C tự rút các thiết bị, vật tư ra khỏi công trình. Công ty C đưa vật tư vào công trình là những máy móc phương tiện nào? giá trị sử dụng còn lại bao nhiêu cũng không ai chứng minh được. Bên cạnh đó tại đơn khởi kiện của Công ty C cũng không thể hiện rõ việc yêu cầu Công ty X phải trả cho mình những thiết bị, vật tư, máy móc cụ thể những gì. Đối với đoạn ghi âm cuộc hòa giải do Công ty C cung cấp không thể hiện rõ việc Công ty X giữ tài sản nào của Công ty C, cho nên cấp sơ thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của C là có cơ sở.

[5] Đối với khoản tiền lương thanh toán cho đội ông Lê Thanh Sơn Công Ty C kháng cáo cho là công ty X vượt quyền hạn. Tại biên bản ngày 6/9/2018 hai bên cũng đã thỏa thuận cam kết Công ty C sẽ chuyển tiền để thanh toán cho đội ông Sơn, do Công ty C hợp đồng giao khoán với đội ông Sơn. Sự việc không thanh toán lương, nên công nhân gây mất trật tự cho công trường là có xảy ra, Công ty X có mời Công ty C đến làm việc nhưng không đến. Thời điểm này Công ty C không phản hồi và không đến công trường, cũng không thanh toán tiền lương cho đội ông Sơn, cho nên Công ty X mời các cơ quan chức năng thành phố cùng tham gia giải quyết. Đến ngày 21/9/2018 Công ty X đã xuất ra số tiền 893.986.000đ để trả thay. Vì vậy buộc Công ty C thanh toán lại cho Công ty X là phù hợp.

Tại Biên bản ngày 6/9/2018 nhà thầu C đồng thuận mọi ý kiến chấm dứt hợp đồng, mong muốn Công ty X lấy lại những thiết bị, máy móc đã bàn giao cho Công ty C theo các biên bản giao nhận trị giá số tiền 2.542.365.859đ. Song, Công ty X hoàn toàn không có ý kiến, không đồng ý lấy lại các thiết bị cũng không có việc bàn giao số tài sản trên cho Công ty X, số máy móc trên hiện nay cũng không có căn cứ nào để chứng minh Công ty X giữ và quản lý. Cho nên trách nhiệm của Công ty C phải tự chịu trả khoản tiền mua thiết bị, máy móc 2.542.365.859đ .

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo cũng không có chứng cứ gì mới để làm căn cứ cho việc kháng cáo.

Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Ý kiến đại diện Viên kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm.

Về án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại do phía nguyên đơn không được chấp nhận một phần số tiền của hai khoản là 4.679.928.722đ và tiền lãi 150.584.274 tổng cộng là 4.830.512.996đ nên phải nộp án phí sơ thẩm tương ứng

với phần không được chấp nhận. Cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn nộp án phí số tiền 116.266.865đ là chưa chính xác đã tính nhầm số, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại số tiền là 112.830.512đ cho phù hợp. Bị đơn Công ty X có yêu cầu phản tố phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C phải chịu số tiền 2.000.000 đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 138, 139, 140 luật Xây Dựng; Điều 422 Bộ luật dân sự; Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và xây dựng C. Giữ y bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và xây dựng C số tiền khối lượng thi công đã hoàn thành là 604.257.475đ (Sáu trăm lẻ bốn triệu, hai trăm năm mươi bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C về việc yêu cầu công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X thanh toán khoản tiền lãi là 150.584.274đ (Một trăm năm mươi triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn, hai trăm bảy mươi bốn đồng)

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C về việc yêu cầu công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X thanh toán khoản tiền bồi thường tiền thuê thiết bị là 4.679.928.722đ

4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C về việc yêu cầu công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X hoàn trả toàn bộ thiết bị của công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C dùng để thi công phần khung kết cấu chính của trụ sở UBND tỉnh Cà Mau tại Phường 5, thành phố Cà Mau.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C hoàn trả số tiền 893.986.000đ cho Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X mà công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X đã ứng trả lương cho công nhân thay cho công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C thanh toán giá trị vật tư, máy móc thiết bị cho công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X với số tiền là 2.542.365.859đ (Hai tỷ, năm trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, tám trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C không thi hành các khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

6. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C thanh toán khoản tiền lãi là 742.061.589đ.

7. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C phải chịu là 112.830.512đ. Ngày 10/8/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C đã dự nộp 39.110.000đ tại (lại số 000227) được đối trừ chuyển thu, Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C phải nộp tiếp 73.720.512đ khi bản án có hiệu lực.

Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X phải chịu án phí là 33.682.464đ. Ngày 24/9/2020 Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X đã dự nộp 56.075.000đ được đối trừ chuyển thu, Công ty cổ phần sản xuất công nghiệp X được hoàn lại số tiền 22.392.536đ.

- Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C phải nộp 2.000.000đ. Ngày 20/01/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng C đã dự nộp tạm ứng phúc thẩm số tiền 2.000.000 đồng, lại thu số 0000525 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hùng Quang

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Châu Minh Hoàng

Ninh Quang Thế

Dương Hùng Quang